

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 956 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng”
thuộc các tỉnh Long An và Đồng Tháp

BAN QLDT & XDTL 10
Số: 692
ĐEN Ngày: 07/5/22
Chuyển:

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng” thuộc 2 tỉnh Long An và Đồng Tháp họp ngày 28 tháng 01 năm 2022;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng” thuộc các tỉnh Long An và Đồng Tháp, đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm Văn bản số 347/BQL10-TĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng” (sau đây gọi là Dự án) của

Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại tỉnh Long An và Đồng Tháp với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Long An và tỉnh Đồng Tháp;
- Sở TN&MT tỉnh Long An và tỉnh Đồng Tháp;
- Thanh tra Bộ, TCQLĐĐ;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (03). Ni.



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng”
Địa điểm: tỉnh Long An và tỉnh Đồng Tháp
*(Kèm theo Quyết định số 956/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về Dự án:

- Tên Dự án: Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng.
- Địa điểm thực hiện Dự án: tỉnh Long An và tỉnh Đồng Tháp.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10.
- Địa chỉ liên hệ: Số 11, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

a. Phạm vi: Dự án Nâng cấp, cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng được xây dựng trên địa bàn các tỉnh Đồng Tháp, Long An.

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là 476,73 ha, trong đó: tổng diện tích sử dụng đất trên cạn: 147,5ha bao gồm diện tích bãi thải tạm thời: 108,52ha, diện tích chiếm dụng vĩnh viễn của các tuyến kè: 38,98ha và diện tích đất lòng kênh (sử dụng tạm thời để nạo vét): 329,23 ha.

- Vị trí, tọa độ của các hạng mục công trình Dự án (04 tuyến kè; tuyến kênh nạo vét và các bãi thải tạm (được thể hiện tại bảng 1.1, 1.8 và các bản vẽ tại phụ lục IV của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt).

b. Quy mô: Dự án gồm 01 công trình nạo vét dọc tuyến kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng với chiều dài 44,20km với khối lượng đất nạo vét khoảng 3,4 triệu m³ được bố trí thu gom vào các bãi chứa; 04 công trình kè: kè Hồng Ngự chiều dài 2.255m, kè Tân Hưng chiều dài 1.470m, kè Giồng Găng chiều dài 450m, kè Vĩnh Thạnh chiều dài 240m.

1.2. Công nghệ xây dựng:

- Đối với công tác nạo vét kênh:
 - + Giải pháp 1: Sử dụng tàu hút bùn thổi trực tiếp bùn nạo vét vào bãi chứa đất nạo vét tạm.
 - + Giải pháp 2: Dùng máy đào gầu dây đào đất đổ lên sà lan, vận chuyển đất đến gần vị trí bãi chứa, sau đó dùng tàu hút bùn thổi lên vị trí bãi chứa đất nạo vét tạm.
- Đối với các đoạn kênh có bãi chứa ở trong cự ly không quá 2km từ khối đất nạo vét thì sử dụng giải pháp 1.

- Đối với các đoạn kênh không có bãi chứa đất ở trong cự ly lớn hơn 2km thì sử dụng giải pháp 2.

- Trình tự thi công tuyến kè chống sạt lở Hồng Ngự, Giồng Găng, Vĩnh Thạnh, Tân Hưng như sau:

- Đối với kè gia cố bảo vệ bờ sông Giồng Găng, Vĩnh Thạnh có kết cấu bằng thảm kỹ thuật, rọ đá cụ thể:

+ Phát quang, tạo mặt bằng công trường → Đào, đắp đất (hoặc bao tải cát, túi cát) tạo mái → Thi công kè (trải vải địa kỹ thuật, thả thảm, rọ đá) → Hoàn thiện bàn giao.

- Đối với kè gia cố bảo vệ bờ sông kè Hồng Ngự, kè Tân Hưng có kết cấu bằng BTCT kết hợp thảm kỹ thuật, rọ đá cụ thể:

+ Phát quang, tạo mặt bằng công trường → thi công đúc cọc, đóng cọc → thi công tường kè → thả thảm, rọ đá gia cố bảo vệ chân kè → thi công cảnh quan → hoàn thiện bàn giao.

1.3. Các hạng mục công trình của Dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

(1) Tuyến nạo vét kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng

Nạo vét lòng kênh cũ với chiều dài nạo vét khoảng $L_{kênh} = 44,2\text{km}$; bề rộng đáy kênh $B_{đáy kênh} \geq 40\text{m}$; cao trình đáy kênh $Z_{đáy kênh} = -5,0\text{m}$ và mái kênh $m_1=m_2=2,0$.

(2) Tuyến kè Hồng Ngự

- Chiều dài tuyến kè: khoảng 2.255m.

- Kết cấu kè: Bằng BTCT kiểu tường góc, kết hợp mái nghiêng, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn lát, thảm đá. Tường kè nằm trên cọc BTCT. Cao trình đỉnh kè $Z_{dk} = \geq +5,00\text{m}$.

- Các hạng mục phụ trợ: Bến cập tàu, vỉa hè, lan can, hệ thống thu, thoát nước, khuôn viên kè (cây xanh, đèn chiếu sáng)...

(3) Tuyến kè Giồng Găng

- Chiều dài tuyến: khoảng 450m.

- Quy mô công trình: Kè bảo vệ mái nghiêng, kết cấu kè bằng thảm đá, rọ đá bên dưới có lớp vải địa kỹ thuật. Cao trình đỉnh kè $Z_{dk} = \geq 2,50\text{m}$.

(4) Tuyến kè Tân Hưng

- Chiều dài tuyến: khoảng 1.470m.

- Quy mô công trình: Tường đứng có kết cấu bằng cù BTCT dự ứng lực và hệ đầm giằng đỉnh kè; bảo vệ chống xói chân kè bằng thảm đá hộc bên dưới có lớp vải địa kỹ thuật; Cao trình đỉnh kè Zdk $\geq +5,00$ m.

- Các hạng mục: vỉa hè, lan can, hệ thống thu, thoát nước, khuôn viên kè (cây xanh, đèn chiếu sáng...)

(5) Tuyến kè Vĩnh Thạnh

- Chiều dài tuyến: khoảng 240m.

- Quy mô công trình: kè bảo vệ mái nghiêng, kết cấu kè bằng thảm đá, rọ đá bên dưới có lớp vải địa kỹ thuật . Cao trình đỉnh kè Zdk = $\geq 2,00$ m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Các công trình phụ trợ được bố trí gồm: máy phát điện, kho vật tư, xưởng gia công cơ khí, mộc, lán trại công nhân, nhà ban chỉ huy công trường.

- Bãi chứa tạm: khoảng 64 bãi chứa với tổng dung tích 3.657.512 m³ lộ thiên chứa khối lượng bùn đất nạo vét. Vị trí các bãi thải tạm được chấp thuận của chính quyền địa phương trước khi tiến hành đổ thải.

- Mặt bằng phụ trợ công trường.

1.3.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a) Khu tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thùng rác: 12 thùng (trong giai đoạn thi công bố trí các thùng rác tại 05 sà lan và khu lán trại công nhân, mỗi sà lan có 02 thùng rác dung tích 120 lít – 240 lít).

- Bùn thải nạo vét: Được thu gom và tập kết tại 64 bãi chứa bùn đất với tổng dung tích 3.657.512 m³.

- Chất thải nguy hại: trong giai đoạn thi công sử dụng 12 thùng chứa rác thải nguy hại loại (120 -240 lít); thùng chứa dầu thải: 1 cái/1 sà lan (tổng 5 thùng).

b) Hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt các nhà vệ sinh di động kích thước CxRxS=2mx1mx1,5m, 02 cái/01 sà lan với thể tích bể tự hoại của nhà vệ sinh khoảng 3m³-4,5m³/bể (sử dụng 12 nhà vệ sinh di động).

- Nước thải xây dựng:

+ Nước thải từ sự cố tràn dầu, dầu thải mạn sà lan: sử dụng 6 thiết bị vòng bẫy dầu 12m/kiện (4x3/cụm) để xử lý dầu tại các khu vực dầu lan tỏa khác. Sau đó được đơn vị có chức năng mang vận chuyển đến nơi xử lý thích hợp.

+ Nước mưa chảy tràn: nước chảy tràn từ các khu vực rửa máy móc thiết bị và nước rửa cốt liệu, máy trộn bê tông được thu gom trên sà lan, sau đó được thu gom vào bể chứa trước khi chuyển ra khỏi công trường để đến nơi xử lý thích hợp theo

quy định.

+ Nước thải trong quá trình nạo vét (tại bãi thải): được thu gom và xử lý tại các hố lăng tự nhiên tại khu vực 64 bãi chứa đất để xử lý trước khi thải trở lại khu vực nạo vét kênh. Tại mỗi khu vực bãi thải bố trí: hố lăng cặn tự nhiên kích thước (dài x rộng x sâu: 5mx3mx0,5m) và các cửa xả, mỗi hố lăng bố trí ống nhựa PVC D200 để trả nước trở lại kênh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

a. Trong giai đoạn xây dựng:

+ Tác động do thu hồi đất, đền bù và giải phóng mặt bằng: việc xây dựng Dự án sẽ tiến hành thu hồi đất để bố trí mặt bằng nên sẽ gây ảnh hưởng tới người dân.

+ Tác động đến môi trường không khí: Tiếng ồn, bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động phá dỡ công trình cũ, tạo mặt bằng công trường thi công tuyến kè, nạo vét, hút bùn, vận chuyển bùn đất nạo vét, thi công các hạng mục công trình kè, đào đắp, san nền, gió cuốn từ các bãi tập kết vật liệu rò rỉ, hoạt động của máy móc, thiết bị đào đắp.

+ Tác động đến môi trường nước: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các cán bộ, công nhân làm việc trong khu vực Dự án, nước thải trong quá trình xây dựng, nạo vét làm nước bị ô nhiễm do độ đục, tràn dầu, rác thải rò rỉ từ các tàu và phương tiện thi công, nước thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc và lượng nước mưa chảy tràn cuốn trôi các chất bẩn trên mặt bằng Dự án.

+ Tác động đến địa hình và độ ổn định dòng chảy tuyến: hoạt động nạo vét lòng kênh sẽ tác động đến bề mặt địa hình đáy tuyến kênh mà cụ thể là làm hạ thấp cao trình đáy kênh, sau quá trình nạo vét, sẽ mở rộng thiết diện mặt cắt ngang lòng tuyến kênh. Đáy kênh được hạ sâu thêm về hai phía bờ, lòng kênh được nạo vét thông thoáng, tạo luồng lạch mới phân bố giữa lòng.

+ Tác động do chất thải rắn (CTR): chất thải rắn do bùn đất thải và các chất thải từ quá trình thi công các công trình, chất thải rắn sinh hoạt từ cán bộ công nhân, chất thải phát quang thực vật tạo mặt bằng.

+ Tác động do chất thải nguy hại (CTNH): Lượng dầu mỡ thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển, thi công, sửa chữa các thiết bị và lượng rác nguy hại phát sinh từ quá trình xây dựng, hoạt động của cán bộ công nhân của Dự án (giẻ lau nhiễm dầu mỡ...).

b. Trong giai đoạn vận hành:

- Tác động tới đa dạng sinh học: sau khi công trình xây dựng xong, hệ sinh thái thủy vực sẽ ổn định theo các giai đoạn:

+ Hình thành khu hệ thủy sinh vật mới → Sự hình thành khu hệ thủy sinh tương đối ổn định về thành phần loài và số lượng.

+ Sự thay đổi của hệ sinh thái thủy sinh phụ thuộc vào sự tác động của con người.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Lượng nước thải sinh hoạt: phát sinh tối đa: khoảng $7,65\text{m}^3/\text{ngày}$. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng như: chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , COD, tổng Nitơ, tổng Photpho, Dầu mỡ, Coliform.

- Lượng nước thải xây dựng tại 4 tuyến kè như sau:

+ Nước thải từ quá trình vận hành bảo dưỡng, vệ sinh thiết bị bao gồm:

+ Tại tuyến kè Hồng Ngự: lượng nước thải từ bảo dưỡng: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$, lượng nước thải từ vệ sinh: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Tại tuyến kè Giồng Găng: lượng nước thải từ bảo dưỡng: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$, lượng nước thải từ vệ sinh: $1-1,5\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Tại tuyến kè Tân Hưng: lượng nước thải từ bảo dưỡng: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$, lượng nước thải từ vệ sinh: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Tại tuyến kè Vĩnh Thạnh: lượng nước thải từ bảo dưỡng: $0,5-1\text{m}^3/\text{ngày}$, lượng nước thải từ vệ sinh: $1-1,5\text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước thải dàn tàu: khoảng $2-3\text{m}^3/\text{ngày}/1\text{ sà lan}$.

+ Nước rò rỉ theo khói bùn từ quá trình nạo vét: khoảng $9400\text{ m}^3/\text{ngày}$, với thành phần chủ yếu là TSS.

+ Nước mưa chảy tràn: khoảng $3810,6\text{ m}^3/\text{ngày}$ với thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh nước thải.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Bụi thải: phát sinh từ quá trình phá dỡ các công trình cũ, tạo mặt bằng công trình, quá trình vận chuyển, đào đắp, quá trình nạo vét kênh, quá trình xây dựng các tuyến kè, bụi từ các bãi tập kết vật liệu rời, bụi từ máy trộn bê tông.

- Khí thải: hoạt động vận chuyển của phương tiện và hoạt động của máy móc thi công như: CO, NO_2 , SO_2 , VOCs.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh khí thải.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải sinh khối thực vật trong quá trình phát quang:
- + Công trình kè Hồng Ngự: khoảng 128,92 tấn
- + Công trình kè Tân Hưng: khoảng 18,15 tấn
- + Công trình kè Giồng Găng: khoảng 5,77 tấn
- + Công trình kè Vĩnh Thạnh: khoảng 3,3 tấn
- CTR phát sinh từ hoạt động phá dỡ, nguyên vật liệu xây dựng phát sinh khoảng 2,16 tấn với thành phần chủ yếu là chất thải xây dựng, tường xi măng, sắt, thép...

- CTR sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của cán bộ và công nhân tham gia thi công tại Dự án bao gồm: giấy, nilon các loại, dầu mắm thuốc lá, các vỏ hộp nước ngọt... khoảng 111kg/ngày.

- Bùn thải nạo vét (bùn thải dưới lòng sông trong quá trình nạo vét): khoảng 3,4 triệu m³.

- Bùn đất rời vãi: khoảng 4,53 tấn.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh chất thải rắn thông thường.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng bao gồm: cặn dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu, các vỏ thùng hóa chất, bình ắc qui sau sử dụng... với khối lượng phát sinh ước tính như sau:

- Dầu thải: khoảng 61,11 lít/tháng.
- Giẻ lau: khoảng 25 kg/tháng.
- Thùng đựng: khoảng 12 kg/tháng.
- Pin ắc quy: khoảng 6kg/tháng.
- Mực in văn phòng: khoảng 4kg/tháng.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh chất thải nguy hại.

2.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Tiếng ồn, độ rung từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị thi công.

- Tác động đến chất lượng nước kênh rạch nếu hoạt động thi công và xả thải không đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Tác động tới hoạt động giao thông thủy khu vực trong giai đoạn thi công nếu các phương tiện của dự án không tuân thủ các quy định về giao thông thủy nội địa.

- Tác động đến tài nguyên sinh vật, hệ sinh thái trên cạn, dưới nước.

- Xáo trộn và gia tăng rủi ro về tai nạn giao thông.

- Thay đổi dòng chảy thủy văn.

- Các sự cố trong quá trình nạo vét: cháy nổ, tràn dầu.

- Tác động gây mùi từ các bãi chứa đất nạo vét tạm.

b. Trong giai đoạn vận hành:

- Tác động tới đa dạng sinh học khu vực dự án sau khi hoàn thành

- Tác động tới dòng chảy thuỷ văn sau khi quá trình nạo vét và thi công tuyến kè hoàn thành.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a. Trong giai đoạn xây dựng:

** Nước thải sinh hoạt*

- Nước thải sinh hoạt: chủ yếu được tạo ra từ các hoạt động của công nhân bao gồm: Nước thải từ các nhà vệ sinh và nước thải sinh hoạt thông thường (từ quá trình nấu ăn, rửa bát, lau nhà, tắm giặt...)

+ Đối với nước thải sinh hoạt thông thường: tắm giặt, rửa tay, ăn uống: được thu gom riêng, lọc tách rác trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, rác sau khi tách phải được thu gom, lưu giữ, xử lý.

+ Đối với nước thải vệ sinh: có 05 sà lan, mỗi 01 sà lan sẽ được bố trí 02 nhà vệ sinh di động theo công nghệ tự hoại kích thước ($CxRxS = 2m \times 1m \times 1,5m$), toàn bộ nước thải được thu gom vào trong 1 két chứa nước thải theo đúng tiêu chuẩn, sau đó được chủ dự án yêu cầu các đơn vị thi công thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

Quy trình vận hành của các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh tự động → Thu gom vận chuyển đến nơi xử lý.

** Nước thải xây dựng*

- Nước chảy tràn từ khu vực rửa máy móc thiết bị, cốt liệu bê tông: được lảng

sau đó được thu gom vào bể chứa và chuyển ra khỏi công trường để đến nơi xử lý thích hợp.

- + Nước chảy tràn → Lắng → Thu gom → Thu gom vận chuyển đến nơi xử lý.

- Đối với nước dàn tàu:

- + Nước thải → Gom vào các rãnh thu → đặt hệ thống xử lý nước dàn (BWTS-Ballast Water Treatment System) → thu gom và được cơ quan chức năng đem xử lý.

- Nước thải từ sự cố tràn dầu, rò rỉ dầu: Bố trí 6 vòng thu gom hút dầu mỡ với chất liệu Polypropylen -12m/kiện (4x3m/cụm), camera dưới nước, túi chứa dầu tạm thời, dụng cụ thu gom dầu, các loại vật liệu thấm dầu loại tấm, phao.

- Nước bùn thải sau nạo vét: Tại mỗi bãi chứa bùn được bố trí các hố lắng tự nhiên có kích thước khoảng 5m x 3m x 0,5m (dài x rộng x sâu), các cặn lắng lơ lửng sẽ được xử lý tại đây và sau đó nước tại hố lắng sẽ được chảy lại ra khu vực kênh qua các ống nhựa, trong hố lắng bố trí các ống nhựa PVC D200 để nước tràn tự nhiên chảy về kênh.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh nước thải

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Nước thải sinh hoạt giai đoạn thi công của Dự án sau khi thu gom tại các nhà vệ sinh lưu động sẽ được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt cột A với hệ số K = 1,2.

- Nước thải thi công sau khi qua hệ thống xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A với hệ số K_q = 0,9, K_f = 1,2.

3.2. Xử lý bụi, khí thải

a. Trong giai đoạn thi công:

- + Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường, tàu thuyền chuyên chở vật liệu thi công phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; che phủ bạt kín phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu khi vận chuyển, không để rơi vãi vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào khu vực thi công phù hợp, tránh xung đột, va chạm.

- + Che chắn vải bạt tại khu vực chứa vật liệu, các sà lan trở vật liệu, khu vực công trường và tưới nước giảm bụi khu vực 03 lần/ngày; trang bị bảo hộ lao động.

b. Trong giai đoạn vận hành:

- Tuyên truyền nâng cao ý thức tham gia giao thông của người dân, các phương tiện lưu thông cần phải đặt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với không khí đạt các quy chuẩn: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Được phân loại và thu gom rác tại nguồn.

+ Đôi với chất thải là thức ăn được thu gom vào thùng chứa cho người dân tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

+ Đôi với chất thải như: vỏ đồ hộp nhựa, giấy báo... được thu gom tập trung vào thùng 120-240 lít.

+ Định kỳ 02-03 ngày/lần thực hiện chuyển giao, lập biên bản bàn giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển mang đi xử lý.

- Chất thải rắn xây dựng:

Mỗi sà lan bố trí 02 thùng chứa loại (120-240 lít) trong đó: 01 thùng chứa chất thải rắn xây dựng, 01 thùng chứa chất thải sinh hoạt trên phương tiện thủy tham gia thi công để lưu trữ trước khi đơn vị chức năng đem đi xử lý.

+ Đôi với bùn thải nạo vét: Được thu gom tại 64 bãi chứa đất với tổng dung tích 3.657.512 m³ đã được quy hoạch. Mỗi bãi chứa có 1 mương thoát nước để xử lý nước rò rỉ từ bùn nạo vét.

+ Đôi với vật liệu phá vỡ: được sử dụng san lấp nền đường, hoặc đổ tại vị trí các bãi chứa do tư vấn giám sát kiểm duyệt. Tại các bãi đất chứa được phát quang, san gạt trước khi đổ lớp tiếp theo sau đó tiến hành trồng cây, kè rọ đá chân bãi chứa.

+ Các phế thải: bao bì xi măng, mẩu sắt thép thừa: được thu gom phân loại tại nguồn và bán cho các cơ sở tái chế.

+ Đôi với phế thải, chất thải trong thi công phần trên cầu: bố trí thùng rác, bãi chứa tạm gần khu vực thi công để chứa rác và phế thải.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh chất thải rắn.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Việc quản lý chất thải rắn được thực hiện theo chương V mục 1,2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chương IV mục 2,3 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BTNMT nghị định về quản lý chất thải và phế liệu ngày 25/10/2019 và tuân thủ theo quy định khác tại QCVN 17/2011/BGTV/SĐ 02:2016 - Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Rác thải nguy hại: mỗi sà lan bố trí 01 thùng 120-240 lít có nắp đậy. Tại công trường được trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại 120-240 lít.

- Đối với dầu thải, nước lắn dầu: bố trí mỗi sà lan 1 két chứa dầu để lưu trữ và được kiểm tra, chứng nhận về phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016 - Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy.

- Đối với giẻ lau dính dầu: trang bị 01 thùng/01 sà lan loại 60 lít có dán nhãn cảnh báo tiêu chuẩn theo quy định.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh chất thải nguy hại.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện; thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, quản lý theo quy định tại chương V mục 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chương IV mục 4 tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và tuân thủ theo quy định của QCVN 17:2011/BGTVT/SĐ2:2016 - Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung, bảo vệ hệ sinh thái và giảm thiểu các tác động tiêu cực khác:

a. Trong giai đoạn thi công:

- Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn và độ rung thấp.

+ Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định liên quan của Việt Nam về bụi, khí thải, ồn và rung.

+ Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công, Nhà thầu sẽ che phủ thích hợp và đảm bảo trong quá trình vận chuyển để ngăn chặn rơi vãi đất, cát, các loại vật liệu và bụi xuống tuyến đường thuỷ nội địa phục vụ việc vận chuyển.

+ Cố gắng kiểm soát các hoạt động gây ồn ở mức độ thấp nhất.

+ Bảo dưỡng các thiết bị trong tình trạng vận hành tốt nhất và hạn chế thấp nhất mức ồn.

+ Các phương tiện vận chuyển nặng phải tuân theo Quyết định 249/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải ngày 10/10/2005 đối với các phương tiện vận chuyển đường bộ.

+ Thường xuyên bảo trì và làm sạch sà lan, phương tiện vận chuyển xây dựng.

+ Không sử dụng các phương tiện, thiết bị quá cũ, quá thời gian đăng kiểm hoặc không được các trạm đăng kiểm cấp phép do lượng khí thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

+ Không được kéo còi khi đi qua khu vực đông dân cư.

+ Đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển, giữ khoảng cách an toàn với các phương tiện khác.

Ngoài ra, nếu sử dụng phương tiện vận tải đường bộ (nếu có thì chiếm tỷ trọng ít), thì nhà thầu phải:

+ Tuân thủ đúng độ sâu nạo vét theo thiết kế.

+ Hạn chế lượng vật liệu nạo vét rơi xuống nước gây tăng độ đục của nước.

+ Hạn chế việc tăng độ đục cho hoạt động nạo vét gây ra bằng cách sử dụng các thiết bị nạo vét chuyên dụng.

+ Đảm bảo công nhân thi công đúng kỹ thuật yêu cầu, để hạn chế tăng độ đục TSS của nước trong quá trình thi công.

+ Tập trung tiến hành thi công khi triều lên, lưu lượng nước lớn, giúp pha loãng nồng độ ô nhiễm.

- *Đối với giao thông thủy:*

+ Lập phương án phân luồng và xin cấp phép Cục Quản lý công trình đường thủy trước khi tiến hành nạo vét.

+ Tiến hành thả phao, cắm biển báo theo như phương án an toàn giao thông đã được phê duyệt. Thông báo và yêu cầu các nhà thầu chấp hành đúng, đầy đủ những quy định của Luật an toàn giao thông đường thủy.

+ Các phương tiện qua lại trên sông phải đăng ký kỹ thuật và đăng ký hành chính tại Cục Đăng kiểm Việt Nam theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

+ Đối với các sự cố tai nạn gây tắc nghẽn giao thông trên các tuyến kênh trước, trong và sau khi thi công chủ dự án kiến nghị các cơ quan quản lý đường sông và các cơ quan liên quan phối hợp giúp đỡ.

+ Chấp hành đúng, đầy đủ những quy định của Luật an toàn giao thông đường thủy, đường bộ, tuân thủ theo Luật hàng hải Việt Nam.

- Đối với các va chạm tàu thuyền dẫn tới đắm tàu chở dầu trên tuyến kênh có thể xảy ra. Tuy nhiên, xét về quy mô và mức độ nguy hiểm của yếu tố này đều ở

mức nhỏ, do tàu thuyền chở dầu có khối lượng lớn thường ít đi qua các tuyến kênh nhỏ, chủ yếu là dầu thương phẩm của các doanh nghiệp dùng để cấp cho các phương tiện đường sông là chủ yếu. Trong trường hợp xảy ra sự cố có thể huy động tàu cứu nạn tại Trung tâm cứu hộ dùng phao quây dầu, bơm hút và xử lý.

- Đối với chất lượng nước kênh:

- + Khu vực bãi chứa đất thải bố trí các hố lăng tự nhiên để xử lý nước rò rỉ từ bùn đất sau khi nạo vét.

- + Thi công từng đợt và từng phần, từng khu vực phù hợp với vị trí và điều kiện thời tiết trong giai đoạn thi công.

- + Bố trí cán bộ giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

- + Giám sát môi trường nước trong giai đoạn thi công.

- Đối với hệ sinh thái:

Kế hoạch bảo tồn đa dạng bao gồm:

- + Giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường cho cán bộ dự án.

- + Bố trí các thiết bị xây dựng ở những vị trí ít có khả năng gây ảnh hưởng tới sự phát triển, sinh sống của động vật xung quanh.

- + Có các biện pháp cải tạo môi trường tốt, khắc phục được ô nhiễm môi trường nước, đất không khí, tạo điều kiện cho động thực vật tiếp tục phát triển, thích nghi.

- + Thường xuyên quan trắc chất lượng nước, đặc biệt là độ đục trong nước tại khu vực dự án thi công để có các biện pháp xử lý tránh gây ảnh hưởng tới các khu vực động, thực vật sinh sống phía hạ lưu.

- + Yêu cầu đảm bảo thu gom rác thải, nước thải trong quá trình thi công, tránh để ô nhiễm dầu mỡ do sử dụng máy móc trong quá trình thi công.

- + Nhà đầu tư cần thực hiện các giải pháp trồng cây bóng mát tạo cảnh quan.

- Xử lý mùi tại các bãi thải tạm:

Yêu cầu giám sát mùi phát sinh từ bùn nạo vét trong quá trình thi công; ghi nhật ký thời tiết, hướng gió trong thời gian thi công để chốt nạo vét; theo dõi các phản ánh của người dân về mùi xung quanh khu vực bãi chứa trong suốt quá trình thi công. Trường hợp gió chuyển hướng theo hướng Tây Bắc (hướng có khu dân cư tập trung) phải tiến hành che chắn bằng vải địa kỹ thuật theo hướng gió, sử dụng vôi bột rắc lên bề mặt bãi chứa chất nạo vét.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Để hạn chế các sự cố môi trường xảy ra trong giai đoạn hoạt động của Dự án, yêu cầu nhà thầu sẽ thông báo rộng rãi cho nhân dân địa phương về thủ tục phát hiện và liên lạc báo cáo về sự cố với các cơ quan chức năng.

c. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình thi công xây dựng Dự án phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung đạt các quy chuẩn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn liên quan khác.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Trong giai đoạn xây dựng:

* Giảm thiểu sự cố tai nạn lao động:

- Tất cả cán bộ, công nhân phải được kiểm tra sức khỏe, tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013 của Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, biện pháp đảm bảo an toàn lao động theo TCVN 5308:91. Những người tham gia thi công dự án phải được cấp thẻ an toàn lao động cho từng người lao động.

- Toàn thể người lao động làm việc trên công trường phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo TCVN 5308:91 về qui phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng.

* Giảm thiểu khắc phục sự cố tai nạn giao thông đường thủy:

- Các thiết bị phương tiện tham gia vận chuyển vật liệu phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Đơn vị vận chuyển phải tổ chức khảo sát tuyến vận chuyển trước khi thực hiện vận chuyển vật liệu để bố trí phương tiện phù hợp với đặc tính tuyến luồng.

- Tổ chức cắm đầy đủ biển báo hướng dẫn giao thông tuyến đường thủy.

- Không tổ chức vận chuyển vào ban đêm đặc biệt đối với các tuyến kênh ngang do đường thủy khá hẹp.

* Giảm thiểu sự cố cháy nổ:

- Khi có sự cố cháy, nổ xảy ra, chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh, của đơn vị thực hiện rà phá để có kế hoạch đèn bù cụ thể cho từng người bị mất mát theo quy định của pháp luật, điều tra các nguyên nhân gây nên sự cố và có các biện pháp kiểm điểm rút kinh nghiệm.

- Trong quá trình thi công nếu xảy ra sự cố cháy nổ đơn vị thi công phải ứng cứu ngay các đối tượng trong khu vực nguy hiểm.

- Chủ động cài đặt điểm phát/cháy nổ bằng các phương tiện có tại công trường (nước, bình chữa cháy,...).

- Tổ chức cho công nhân tham gia chữa cháy hỗ trợ theo sự hướng dẫn của các đơn vị chức năng (có thể liên lạc từ xa) cho đến khi các cơ quan chức năng có mặt tại hiện trường. Phối hợp với chính quyền địa phương thiết lập vành đai an toàn

xung quanh khu vực nguy hiểm. Kiểm tra điều kiện an toàn cháy nổ tại công trường, đảm bảo sự cố không tiếp diễn.

* Giảm thiểu xói mòn, sạt lở, sụt lún bờ sông, bãi chứa đất, sự cố vỡ đê bao:

- Bãi chứa bùn đất vì được bố trí gần khu vực lòng sông, tuy nhiên, trước kia khu vực bố trí đỗ thải này là khu vực đất bằng phẳng sau một thời gian bị lấy đất nên đất khu vực này bị đào âm xuống và trở thành ao, đất trống vì vậy sau khi tiến hành nạo vét lượng đất đỗ thải sẽ được đổ vào khu vực này tạo nên cao trình bờ ngang với mép sông, vì vậy ảnh hưởng của bãi chứa đất so với khu vực xung quanh phần nào đã được giảm thiểu.

- Lắp biển cảnh báo sạt lở, cù cán bộ luân phiên giám sát (nếu cần thiết) để phòng chống các sự cố từ bãi chứa đất. Trong trường hợp bãi chứa đất bị sạt sụt, phải thông báo sớm nhất cho người dân khu vực xung quanh và thực hiện ngay biện pháp khắc phục, sử dụng kẽm đá (trong trường hợp cần thiết) để đảm bảo an toàn.

- Tiến hành lắp các biển cảnh báo khu vực bãi chứa đất để người dân được biết.

- Trong trường hợp có thể trồng cây gia cố, tiến hành gia cố, lắp lớp đất màu dày 0,5m trên bề mặt xung quanh khu vực chân bãi chứa đất này và tiến hành trồng cây xanh với mật độ 10-30% về cải tạo, phục hồi môi trường để ổn định lớp đất và tránh rửa trôi khi bãi chứa đất đã hết khả năng chứa. Lựa chọn cây trồng để phục hồi môi trường phải lựa chọn loài cây, giống cây phù hợp với điều kiện sống ở địa phương, có giá trị kinh tế cao. Chăm sóc và trồng bổ sung cây bị chết trên toàn bộ diện tích bãi chứa đất đảm bảo mật độ cây theo yêu cầu. Bàn giao diện tích này sau 3 năm chăm sóc cho chính quyền địa phương quản lý.

- Ngoài ra cần phải xây dựng các biện pháp giảm thiểu sau:

+ Thi công theo đúng phạm vi, khôi lượng nạo vét và mái dốc nạo vét theo thiết kế được phê duyệt.

+ Trong quá trình nạo vét Chủ dự án sẽ phân công các cán bộ giám sát (bồi, xói đường bờ) nhằm phát hiện kịp thời dấu hiệu sạt lở và có biện pháp khắc phục kịp thời.

+ Khi xảy ra sự cố sạt lở đường bờ, đơn vị thi công sẽ dừng các hoạt động nạo vét tại vị trí đó và phối hợp với các cơ quan có chức năng để khắc phục sự cố xảy ra.

+ Bảo đảm hệ thống đê bao bãi chứa được thi công, nghiệm thu đúng thiết kế.

+ Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình trạng bờ bao, mực nước trong bãi chứa so với chiều cao thiết kế của đê bao để có biện pháp gia cố phù hợp, kịp thời.

+ Tạm dừng thi công phun chất nạo vét lên bãi chứa khi thấy hiện tượng rạn nứt, vỡ đê bao, tổ chức thực hiện gia cố lại đê bao bằng cọc cừ, trải vải địa kỹ thuật, đắp bao cát, tiến hành kiểm tra chất lượng đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi

công trở lại, thực hiện bơm lại phần chất nạo vét bị chảy ra ngoài môi trường xung quanh tại bãi chúa, đền bù thiệt hại theo quy định.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về đảm bảo hành lang an toàn nguồn nước và các rủi ro về sạt lở, sụt lún tại các khu vực dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

a. Trong giai đoạn xây dựng:

- Đối với CTR và CTNH:

+ Thùng rác: 12 thùng trong đó mỗi sà lan bố trí 2 thùng chứa loại 100 lít chứa chất thải sinh hoạt, xây dựng.

+ Thùng rác chứa CTNH: 2 thùng/1 sà lan chứa loại 120-240 lít chứa chất thải nguy hại, 1 thùng 60 lít/1 sà lan.

+ Thùng chứa dầu: 1 cái/1 sà lan.

+ Bùn đất nạo vét: Được bố trí đồ thải tại 64 bãi thải với tổng dung tích là 3.657.512 m³ (xử lý đất sau khi nạo vét để san lấp mặt bằng, mặt ao hồ), một phần đất dùng để đắp đê bao những khu vực nguy cơ sạt lở. Trên các bờ bao bãi chứa bố trí các cửa xả để thoát nước tràn ra lại kênh, mỗi khu vực bãi chứa nạo vét bố trí hố lăng tạm (tự nhiên). Mỗi bãi chứa có tối thiểu 01 cửa xả, sau khi xử lý hết được cặn lăng của nước bùn thải sẽ trả lại nước quay lại tuyến kênh.

- Đối với nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Mỗi sà lan bố trí 02 nhà vệ sinh di động (dự kiến 10 nhà vệ sinh di động).

+ Nước thải từ sự cố tràn dầu, dầu thải mạn sà lan: 06 vòng bẫy dầu 12m/kiện (4x3/cụm).

+ Nước rò rỉ từ bãi thải: Tại mỗi bãi chứa bùn yêu cầu bố trí các hố lăng tự nhiên có kích thước khoảng 5m x 3m x 0,5m (dài x rộng x sâu), các cặn lăng lơ lửng sau khi được xử lý tại đây nước tại hố lăng sẽ được chảy lại ra sông, trong hố lăng bố trí các ống nhựa PVC D200 để nước tràn tự nhiên chảy về kênh.

+ Nước dàn tàu: Được xử lý tại hệ thống xử lý nước dàn tàu (BWTS - Ballast Water Treatment System).

+ Nước mưa chảy tràn: Sử dụng các rãnh thoát nước tạm trên công trường. Bố trí rãnh thoát nước tạm giữa khu vực thi công nền đường và nguồn nước các ao, kênh mương để thu gom nước mưa chảy tràn. Rãnh có kích thước đủ lớn để chứa hết nước

mưa chảy tràn; trong lòng rãnh đặt các lưới với khoảng cách phù hợp để thu gom bùn lắng.

b. Trong giai đoạn vận hành:

Giai đoạn này không phát sinh chất thải rắn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

- Trong giai đoạn xây dựng:

Thực hiện giám sát định kỳ 3 tháng/lần trong suốt thời gian thực hiện dự án, đội giám sát phải có các chuyên gia: môi trường, xã hội. Trong quá trình giám sát kết hợp lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường như sau:

a. Giám sát không khí:

- Tổng khối lượng lấy mẫu: 24 mẫu

- Vị trí giám sát: 06 vị trí (01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Hồng Ngự, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Tân Hưng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Giồng Găng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Vĩnh Thạnh, 01 vị trí tại điểm đầu K8 của kênh nạo vét, 01 vị trí tại điểm cuối K30 của kênh nạo vét).

- Thông số giám sát: TSP, NO₂, SO₂, CO, Tiếng ồn

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, lấy mỗi vị trí 4 lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b. Giám sát môi trường nước mặt, nước thải thi công:

- Tổng khối lượng lấy mẫu: 36 mẫu

- Vị trí giám sát: 09 vị trí (02 vị trí tại khu vực xây dựng kè Hồng Ngự, 02 vị trí tại khu vực xây dựng kè Tân Hưng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Giồng Găng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Vĩnh Thạnh, 01 vị trí tại hố xử lý bã chúa đất, 01 vị trí tại điểm đầu K8 của kênh nạo vét, 01 vị trí tại điểm cuối K30 của kênh nạo vét).

- Thông số giám sát: Độ đục, pH, độ mặn, DO, TSS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, Coliform, sinh vật phù du, mùi.

- Tần suất giám sát: 1 tháng/lần, lấy mỗi vị trí 4 lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với K_q= 0,9, K_f= 1,2

c. Giám sát chất lượng trầm tích:

- Tổng khối lượng lấy mẫu: 24 mẫu

- Vị trí giám sát: 06 vị trí (01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Hồng Ngự, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Tân Hưng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Giồng Găng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Vĩnh Thạnh, 01 vị trí tại điểm đầu K8 của kênh nạo vét, 01 vị trí tại điểm cuối K30 của kênh nạo vét).

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, lấy mỗi vị trí 4 lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 43:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng trầm tích.

d. Giám sát chất lượng đất:

- Tổng khối lượng lấy mẫu: 16 mẫu
- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Hồng Ngự, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Tân Hưng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Giồng Găng, 01 vị trí tại khu vực xây dựng kè Vĩnh Thạnh).
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Cr, Cu, Zn
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, lấy mỗi vị trí 4 lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

e. Giám sát khác:

- Giám sát sạt lở kè bờ sông:
 - + Thông số: Quan sát độ sạt lở khu vực dự án
 - + Vị trí: trên 4 công trình tuyến kè
 - + Tần suất: 6 tháng/lần trong giai đoạn thi công
- Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại
 - + Vị trí: khu vực boong sà lan, khu vực bãi chứa đất sau nạo vét
 - + Thông số giám sát: Định tính và định lượng nguồn chất thải, tải lượng, tổng lượng thải, chủng loại chất thải, công tác thu gom rác thải trong quá trình thi công
- Tần suất: Hàng ngày

** Lưu ý sau khi dự án hoàn thành:*

- Chủ đầu tư giám sát Nhà thầu thực hiện công tác bảo hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của pháp luật.
- Đơn vị quản lý vận hành tuân thủ các biện pháp giảm thiểu môi trường hàng năm theo các yêu cầu Sở Tài nguyên và môi trường nơi có công trình.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các nội dung sau đây:

6.1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2. Chủ dự án chỉ được phép triển khai Dự án khi thỏa mãn các điều kiện sau: Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép sử dụng đất làm bãi thải, giao đất và đèn bù giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thiết kế cơ sở của Dự án, bao gồm các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án.

6.3. Thực hiện công tác rà phá bom mìn trước khi triển khai xây dựng dự án; bố trí lán trại công nhân, kho chứa nguyên vật liệu ở những nơi phù hợp, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án; thực hiện việc thu dọn, hoàn trả mặt bằng, cải tạo phục hồi môi trường tại các khu đất sử dụng tạm thời.

6.4. Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đỗ thải đất, bùn thải, phế thải xây dựng, thực bì phát sinh trong quá trình thi công; bảo đảm việc đỗ thải đất, bùn, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật; tổ chức theo dõi, giám sát công tác đỗ thải đất bùn thải, không để đất bùn sạt lở, trôi lấp xuống dọc kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng.

6.5. Lập phương án thực hiện giải pháp phòng ngừa các hiện tượng mất an toàn (biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở, trôi lấp đất đá) trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động sản xuất, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và môi trường hiện hành có liên quan.

6.6. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng thực bì theo đúng quy định; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng CTR, CTNH, chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6.7. Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực xung quanh; thường xuyên bố trí nhân viên

giám sát an toàn và sự cố môi trường tại các khu vực bãi chứa đất sau nạo vét để có các giải pháp phù hợp, kịp thời khắc phục khi sự cố xảy ra; tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên trong quá trình xây dựng, vận hành hệ thống kè bờ sông.

6.8. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng; nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo cột A, QCVN 14:2008/BNMNT; nước thải xây dựng và nước mưa chảy tràn trong quá trình xây dựng, vận hành được thu gom vào hệ thống mương, hố ga, lăng lọc đảm bảo đạt cột A, QCVN 40:2011/BNMNT trước khi xả thải ra môi trường; nước thải nhiễm dầu mỡ trong quá trình xây dựng Dự án được thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý cùng với chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.9. Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm trong khu vực thi công; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông đường bộ, đường thủy của khu vực liên quan đến Dự án; thực hiện giải pháp kỹ thuật để xử lý mùi hôi, xử lý nước thải rò rỉ tại các bãi đỗ thải tạm bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.10. Lập và thực hiện kế hoạch, phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường hàng năm (sạt trượt, sụt lún, sạt lở bờ sông và bãi thải) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án; đèn bù những thiệt hại về an toàn và môi trường do Dự án gây ra theo các quy định pháp luật hiện hành; lập phương án kỹ thuật xử lý mùi tại các bãi thải trong thời gian xây dựng.

6.11. Phối hợp với UBND các tỉnh Long An và Đồng Tháp chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan và các nhà thầu thi công bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, hạn chế các tác động môi trường phát sinh, đảm bảo cho Dự án đi vào hoạt động một cách có hiệu quả.

6.12. Phổ biến thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên và cộng đồng về bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng, vận hành Dự án; có biện pháp quản lý đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động nhằm ngăn chặn các hành vi chặt phá cây xung quanh khu vực thực hiện Dự án. Tuân thủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước, Luật bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Đa dạng sinh học.

6.13. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.14. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để: xác định các vị trí đổ thải tạm trước khi tiến hành đổ thải; thông báo kế hoạch thi công với các hộ nuôi trồng thủy sản trước khi triển khai Dự án; bảo đảm an ninh, trật tự; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, an toàn lao động, giao thông vận tải, phòng chống mưa bão, lũ lụt, cháy nổ, các rủi ro và sự cố môi trường.

6.15. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường trong quá trình thi công; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết./.

